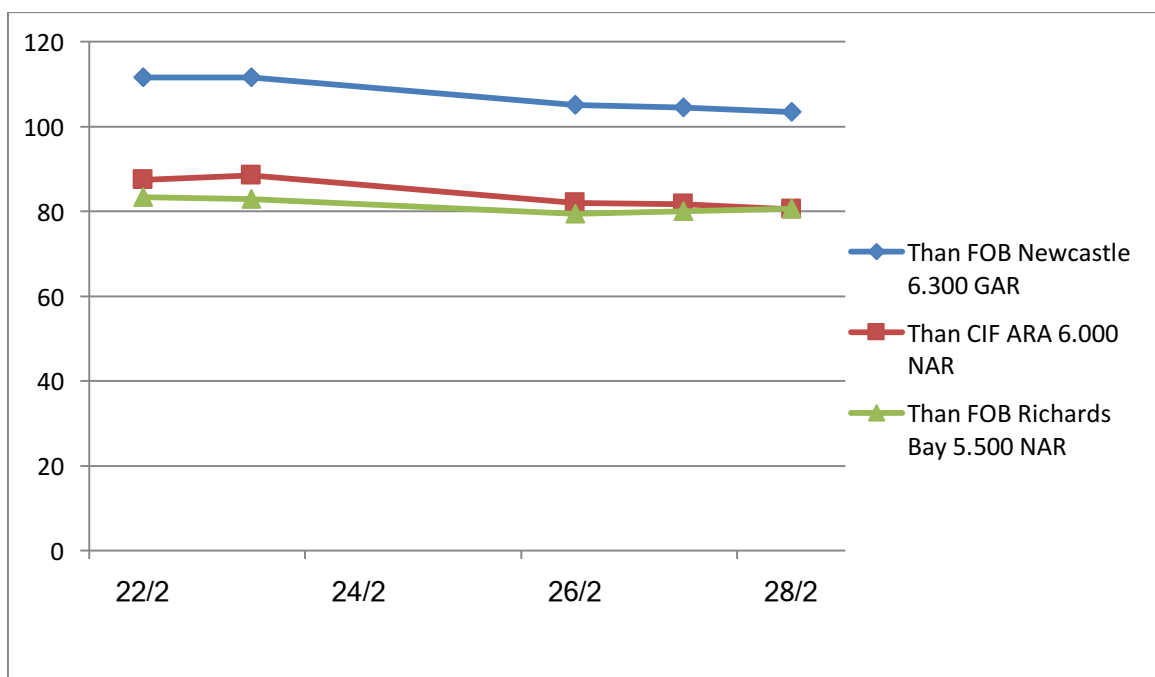


**CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	103,50	-1,00	107,00	+0,00
CIF ARA 6.000 NAR	80,50	-1,20	80,55	-1,20
FOB Richards Bay 5.500 NAR	80,65	+0,65	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	87,00	-0,50
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	72,50	-0,50

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	59,00	-0,10	435,46	+0,98
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	80,50	+0,00	594,15	+2,35
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	95,25	-0,25	703,02	+0,95

**GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 28/02/2018)

## **ĐIỂM TIN**

### **Sản lượng than nhiệt xuất khẩu của Nam Phi tháng 1 giảm xuống còn 6,16 triệu tấn**

Trong tháng 1, sản lượng than nhiệt xuất khẩu của Nam Phi đạt 6,16 triệu tấn, giảm 21,2% so với tháng 12 nhưng tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2017 – theo dữ liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan. Ấn Độ tiếp tục là thị trường lớn nhất của than Nam Phi, nước này đã nhập khẩu 2,7 triệu tấn trong tháng 1 vừa qua, giảm 29% so với tháng 12 nhưng lại tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017. Ấn Độ chiếm 43,7% tổng lượng than xuất khẩu từ Nam Phi. Hàn Quốc chiếm 12,1% tổng lượng than xuất khẩu từ Nam Phi với khối lượng 746.820 tấn trong tháng 1, giảm 15% so với tháng trước đó và giảm 36% so với cùng kỳ năm 2017. Pakistan đã nhập khẩu 464.295 tấn than nhiệt trong tháng 1 từ Nam Phi, giảm 30% so với tháng 12 nhưng tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017. Israel nhập khẩu 168.000 tấn than, tăng 2% so với tháng 12 nhưng giảm hơn một nửa so với khối lượng cùng kỳ năm 2017. Ngoài ra Nam Phi cũng xuất khẩu 106.370 tấn than cho UAE, tăng gấp đôi khối lượng so với cùng kỳ năm trước nhưng lại giảm 35% so với tháng 12. Theo S&P Global Platts đánh giá, chỉ số giá than Richards Bay 5.500 kcal/kg NAR trong tháng 1 trung bình ở mức 81,27 USD/tấn, tăng 2,32 USD so với mức giá trung bình tháng 12 năm 2017.

### **Số lượng tàu chờ làm hàng tại Richards Bay Coal Terminal giảm nhẹ so với tuần trước**

Theo dữ liệu của cảng vụ Richards Bay Coal Terminal (RBCT), trong ngày 28/2 đã có 16 tàu đang phải chờ do chậm bốc hàng tại các bến than RBCT, thấp hơn con số 25 tàu tuần trước. Trong số đó, chỉ còn 4 tàu có thời gian chờ làm hàng hơn 1 tuần, đi đầu này cho thấy hoạt động làm hàng tại các bến than ở đây đã dần trở lại thông suốt. Theo cảng vụ, việc số lượng tàu chờ làm hàng giảm nhẹ trong thời gian gần đây là do đi đầu kiện thời tiết đã tốt lên mà hoàn toàn không phải do hoạt động xuất khẩu giảm sút. Trong 16 tàu nêu trên có 7 tàu trở về Ấn Độ, 4 tàu từ Singapore hoặc Hàn Quốc, và 5 tàu từ Mozambique, Kenya, và các cảng khác của Nam Phi.

Trong ngày 28/2, đã có 6 tàu làm hàng tại các bến than. Trọng tải trung bình của các tàu chờ làm hàng tại đây là 88.437 tấn. Cảng vụ cho biết có khoảng 4,6 triệu tấn than đang được dự trữ trong kho của RBCT hôm thứ 4 vừa qua, hầu như không thay đổi so với tuần trước đó. Chỉ số giá than Nam Phi nhiệt trị 6.000 kcal/kg NAR được giao dịch buổi sáng ngày 28/2 ở mức 95,50 USD/tấn, đi đầu kiện FOB, giao hàng trong tháng 4, giảm 3 USD/tấn so với 1 tuần trước đó. Chỉ số giá Platts FOB Richards Bay 5.500 kcal/kg NAR đã giảm xuống 80 USD/tấn ngày 27/2 vừa qua, giảm 1,9 USD/tấn so với tuần trước đó, nhưng các công ty kinh doanh than vẫn hài lòng với mức giá hiện tại vì mức giá này cho phép họ cạnh tranh với than Indonesia cung cấp cho thị trường Ấn Độ.

### **Punjab's NPL mở gói thầu mua 900.000 tấn than nhiệt nhập khẩu**

Công ty điện Nabha Power Limited (NPL) ở bang Punjab miền Bắc Ấn Độ mới đây đã mở gói thầu mua 900.000 tấn than nhiệt nhập khẩu giao từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2018 cho NMNĐ Rajpura. Các nhà thầu tham gia gói thầu được yêu cầu phải cung cấp khối lượng tối thiểu là 600.000 tấn, đồng thời tuân theo lịch trình giao hàng hàng tuần do NPL quy định. Công ty đã đưa ra 2 lựa chọn cho các nhà cung cấp than.

Lựa chọn thứ nhất, NPL mua than nhiệt trị từ 5.700 đến 6.300 kcal/kg GAR, độ ẩm tối đa 15%, độ tro tối đa 20%, chất bốc từ 22 - 30%, lưu huỳnh 0,5%. Lựa chọn thứ hai, các nhà thầu có thể cung cấp than nhiệt trị từ 5.200 đến 5.800 kcal/kg GAR, độ ẩm tối đa 16%, độ tro tối đa 26%, lưu huỳnh 0,5% và chất bốc trong khoảng 17 - 25%. Giá đấu thầu theo đơn vị tiền tệ của Ấn Độ. Thời hạn mua HSMT đến hết ngày 1/3, thời hạn nhận hồ sơ dự thầu đến hết ngày 16/3. NPL sở hữu dự án NMNĐ công suất 1.400 MW gần Rajpura ở Patiala, thuộc bang Punjab của Ấn Độ.

(Nguồn: Platts)

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn	Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	7,75		-0,10

(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	9,00	-0,10
	New South Wales	Hàn Quốc	9,50	-0,10
<b>Panamax</b>	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,65	-0,15
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,25	-0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,85	-0,15
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,85	-0,15
	Úc	Trung Quốc	12,50	+0,20
	Úc	Ấn Độ	13,70	+0,00

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 28/02/2018)